

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03-7-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Cao Trí;
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Hoài Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 135/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 1107/85C khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lưu Công H, sinh năm 1988; địa chỉ: Số 1107/85C khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị C, sinh năm 1963; địa chỉ: 14 thôn L, xã T, huyện L, tỉnh H. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị O trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: sau thời gian tìm hiểu, bà Nguyễn Thị O và ông Lưu Công H tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân phường D, thị xã D (nay là thành phố D), tỉnh B theo giấy chứng nhận kết hôn số 257/2013 quyền số 02/2013 ngày 07/11/2013. Việc kết hôn của bà O và ông H là tự nguyện và được hai bên gia đình chấp nhận.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, ông H ăn chơi, không lo làm ăn, hai bên không có tiếng nói chung trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Cuộc sống vợ chồng ngày càng ngột ngạt, dẫn đến bà O không còn tình cảm với ông H, bà O và ông H đã ly thân từ tháng 10 năm 2022 đến nay. Nay bà O xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông H.

Về con chung: Quá trình chung sống ông, bà có 02 con chung là cháu Lưu Công Bảo K, sinh ngày 18/02/2015 và Lưu Bảo N, sinh ngày 17/9/2016. Sau khi ly hôn, Bà O yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lưu Bảo N; ông H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lưu Công Bảo K. Không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Nguyễn Thị O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18/5/2023 bị đơn ông Lưu Công H trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà O về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn. Ông H cho rằng mặc dù vợ chồng ông bà ít khi nói chuyện với nhau, thỉnh thoảng có xảy ra cãi vã nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn hạnh phúc. Hai vợ chồng ly thân khoảng 06 tháng nay, trong thời gian ly thân, do bà O chặn số điện thoại của ông H nên ông H không liên lạc được để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông H xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống ông, bà có 02 con chung là cháu Lưu Công Bảo K, sinh ngày 18/02/2015 và Lưu Bảo N, sinh ngày 17/9/2016. Hiện nay cháu Lưu Bảo N đang sống cùng mẹ ruột bà O còn cháu Lưu Công Bảo K đang sống cùng ông. Trường hợp Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà O thì ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu bà O thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: ông Lưu Công H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22/5/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị C trình bày: bà C là mẹ ruột của bà Nguyễn Thị O. Vào tháng 12/2022, bà O có đưa cháu Lưu Bảo N về sống cùng với bà. Sau khi cháu N về cùng sống với bà, bà chăm sóc cháu và cho cháu đi học tại trường tiểu học Thạch Mỹ, cháu phát triển bình thường. Bà C đồng ý chăm sóc cháu Bảo Nhi thay cho bà O trong thời gian bà O làm thủ tục ly hôn và sau này để tạo điều kiện cho bà O đi làm lo kinh tế gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Quá trình tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị O, bị đơn ông Lưu Công H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị O và ông Lưu Công H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thị xã D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương vào ngày 07/11/2013 theo giấy chứng nhận kết hôn số 257/2013, quyền số 02/2013 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá trình tố tụng, bà O xác định trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Cuộc sống vợ chồng ngày càng ngột ngạt, dẫn đến bà O không còn tình cảm với ông H, vợ chồng ly thân từ tháng 10 năm 2022. Quá trình tố tụng, ông H cũng thừa nhận, trong cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, gia đình hai bên đã hòa giải để hàn gắn mà không thành và hai vợ chồng sống ly thân khoảng 06 tháng nay, trong thời gian ly thân, hai vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm được. Tòa án đã triệu tập các đương sự tham gia hòa giải, tuy nhiên ông H vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ quan hệ hôn nhân của vợ chồng bà O và ông H được. Như vậy có cơ sở xác định, tình trạng hôn nhân giữa bà O và ông H có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà O yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là cháu Lưu Công Bảo K, sinh ngày 18/02/2015 và Lưu Bảo N, sinh ngày 17/9/2016. Bà Nguyễn Thị O yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lưu Bảo N và ông H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lưu Công Bảo K. Ông Lưu Công H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Lưu Công Bảo K và Lưu Bảo N. Cháu K yêu cầu được sống chung với bố và mẹ. Khi giải quyết việc ly hôn, Hội đồng xét xử cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Lưu Công Bảo K hiện từ trước đến nay sống cùng với ông H, vẫn phát triển tốt. Bà O và ông H thống nhất sau ly hôn, ông H là người chăm sóc nuôi dưỡng cháu K. Đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Cháu N mặc dù đang sống chung với bà ngoại nhưng cháu vẫn phát triển tốt. Cháu N là con gái cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ. Bà C cũng đồng ý chăm sóc và nuôi dưỡng cháu N trong quá trình bà O làm thủ tục ly hôn và đi làm lo kinh tế. Khi giải quyết ly hôn, Tòa án xem xét bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em nên cần giao

cháu N cho bà O là người trực tiếp nuôi dưỡng, để đảm bảo cho cháu có cuộc sống ổn định, không bị xáo trộn.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: bà O và ông H đều không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của bà O và ông H nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: bà Nguyễn Thị O và ông Lưu Hữu Công không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[7] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị O phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị O về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với bị đơn ông Lưu Công H.

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị O được ly hôn với ông Lưu Công H (theo giấy chứng nhận kết hôn số 257/2013, quyển số 02/2013 do Ủy ban nhân dân phường D, thị xã D (nay là thành phố D), tỉnh B vào ngày 07/11/2013).

Về con chung: ông Lưu Công H giao con chung Lưu Bảo N, sinh ngày 17/9/2016 cho bà Nguyễn Thị O trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị O về việc không yêu cầu ông Lưu Công H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Lưu Bảo N.

Bà Nguyễn Thị O giao con chung Lưu Công Bảo K, sinh ngày 18/02/2015 cho ông Lưu Công H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lưu Công H về việc không yêu cầu bà Nguyễn Thị O thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Lưu Công Bảo K.

Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị O và ông Lưu Công H có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: bà Nguyễn Thị O không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị O phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006264 ngày 12/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

